



Inside your wish

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC FSC

Trụ sở chính: Khu Chung cư 11 tầng, lô đất 3B, Phường Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Địa chỉ GD: Phòng 12A01, Tòa nhà 17T8 Đường Hoàng Đạo Thúy, Quận Thanh Xuân, HN
Điện thoại: 0243.62510091 - 0243.62510068
Website: <http://www.fscvietnam.com> Email: info@fscvietnam.com



BÁO GIÁ

Xây dựng hệ thống phần mềm

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

KÍNH GỬI: QUÝ KHÁCH HÀNG

Công ty Cổ phần Điện tử Tin học FSC xin gửi đến Quý Cơ quan báo giá Xây dựng hệ thống phần mềm với tổng số tiền là: **2.730.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Nội dung cụ thể như sau:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
I	Xây dựng hệ thống phần mềm	PM	1	2.730.000.000	2.730.000.000
1	Xây dựng các nhóm chức năng dành cho cán bộ Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện nghiệp vụ quản lý giá.				
1,1	Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, gồm:				
	- Giá các loại đất; giá cho thuê đất, thuê mặt nước;				
	- Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;				
	- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;				
	- Giá nước sạch sinh hoạt;				
	- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;				
	- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;				
	- Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh;				
	- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương;				

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
	- Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;				
	- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;				
	- Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;				
	- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;				
	- Giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp;				
	- Giá tính thuế tài nguyên;				
	- Giá dịch vụ xe vận tải hành khách, vận tải hàng hóa ra, vào bến bãi theo quy định của Luật Giao thông đường bộ;				
	- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà;				
	- Giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Giá mua nhà ở thương mại để bố trí nhà ở tái định cư; Giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh;				
	- Giá các loại tài sản, hàng hóa dịch vụ khác phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.				

0101
CÓ
CÓ
ỆN T
F
H XU

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
1,2	Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá:				
	- Giá đăng ký của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá tại Sở Tài chính;				
	- Giá đăng ký của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá tại Sở Công Thương;				
	- Giá đăng ký của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá tại Sở Y tế;				
	- Giá đăng ký của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá tại sở chuyên ngành theo quy định của pháp luật;				
	- Giá đăng ký của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá tại Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.				
1,3	Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá:				
	- Giá kê khai của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá tại Sở Tài chính;				
	- Giá kê khai của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá tại Sở Công Thương;				
	- Giá kê khai của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá tại Sở Giao thông Vận tải;				
	- Giá kê khai của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá tại Sở Y tế;				
	- Giá kê khai của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá tại sở chuyên ngành theo quy định của pháp luật;				
	- Giá kê khai của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá tại Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.				
1,4	Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định thuộc nội dung CSDL giá của mình.				
1,5	Giá tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.				
1,6	Khung giá đất do Chính phủ ban hành; Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành. Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương. Giá đất giao dịch thực tế trên thị trường.				
1,7	Giá giao dịch bất động sản.				
1,8	Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.				

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
1,9	Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ cần thiết khác phục vụ công tác dự báo và quản lý nhà nước về giá.				
1,1	Giá trị tài sản được thẩm định giá (đất đai, nhà, công trình xây dựng, máy, thiết bị, phương tiện vận tải, dây chuyền công nghệ, ...); Thông tin giá cả, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá tài sản. Hội đồng thẩm định giá đất.				
2	Xây dựng chức năng nhập thông tin giá trị tài sản thẩm định giá cho Doanh nghiệp thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.				
3	Triển khai thu thập thông tin giá cả thị trường; thông tin đăng ký giá, kê khai giá; kết quả thẩm định giá nhà nước khi mua sắm tài sản, cho các phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, các sở ngành có liên quan.				
4	Triển khai nộp hồ sơ đăng ký, kê khai giá trực tuyến cho các tổ chức đăng ký, kê khai giá tại Sở Tài chính, có thể thực hiện trao đổi thông tin trực tuyến về hồ sơ đăng ký, kê khai giá giữa tổ chức và cán bộ Sở Tài chính.				
5	Quản lý văn bản nhà nước về giá; Khai thác báo cáo tổng hợp				
5,1	Các quyết định, văn bản quản lý, điều hành về giá.				
5,2	Các văn bản hướng dẫn, tham gia, góp ý với các đơn vị khác có liên quan đến cơ chế chính sách về giá.				
5,3	Báo cáo tình hình giá cả thị trường.				
5,4	Các báo cáo, tài liệu học tập kinh nghiệm.				
5,5	Kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học.				
5,6	Các báo cáo, văn bản có liên quan khác.				
5,7	Biểu đồ tổng hợp biến động giá hàng hóa, dịch vụ kê khai giá.				
5,8	Biểu đồ tổng hợp biến động giá hàng hóa, dịch vụ giá thị trường.				
5,9	Bảng giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh/tp định giá.				
5,1	Bảng giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh/tp định giá theo địa bàn, khu vực áp dụng.				
5,1	Bảng giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh/tp định giá theo loại giá.				
5,1	Bảng tổng hợp mức giá kê khai.				
5,1	Bảng giá kê khai tổng hợp theo đơn vị kê khai.				
5,1	Bảng giá kê khai tổng hợp theo nhóm hàng hóa, dịch vụ.				
5,2	Bảng giá kê khai tổng hợp theo loại giá.				
5,2	Bảng giá thị trường.				
5,2	Bảng giá thị trường tổng hợp theo địa bàn.				
5,2	Bảng giá thị trường tổng hợp theo loại giá.				
5,2	Bảng tổng hợp giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ.				
6	Các thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá				

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
6,1	Tình hình thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thặng dư giá.				
6,2	Quỹ bình ổn giá các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá theo quy định của pháp luật.				
6,3	Các thông tin, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới như: Tài khoản quốc gia; tài chính công; tiền tệ; chứng khoán; thương mại; chỉ số giá; các chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế thế giới, trong nước; các thông tin, chỉ tiêu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.				
6,4	Các thông tin khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá.				
7	Kết nối với CSDL quốc gia về giá.				
8	Kết nối với CSDL về giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.				
9	Phân quyền cho cán bộ Sở Tài chính, cán bộ một số sở, ngành chuyên môn, cán bộ Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thành phố trong việc thực hiện nghiệp vụ quản lý giá.				
Tổng cộng					2.730.000.000

Bảng chữ: Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng chẵn

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm các loại thuế phí và chi phí cài đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng
- Báo giá có hiệu lực trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát hành
- Địa điểm bàn giao: tại địa điểm khách hàng